

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672001 - Hình họa – Vẽ kỹ thuật cơ bản
Lớp :

STC : 2(30,0,0,0,0,0) Lần thi : 2
Năm học : 2013-2014 Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Duy	Thành	3575030073	01/01/1993	,00	,00	,00	Nợ HP
2	Nguyễn Hữu	Tài	3575031742	12/10/1993	,00	,00	,00	CT
3	Ngô Thùy	Nga	3575031769	24/03/1993	,00	,00	,00	Nợ HP
4	Bùi Văn	Cường	3772050978	10/05/1995	4,20	5,40	5,00	
5	Huỳnh Thanh	Nguyên	3772050998	15/03/1995	2,80	,00	,80	CT
6	Trần Thành	Hiển	3772051010	13/05/1995	1,20	,00	,40	CT
7	Nguyễn Quang	Linh	3772051012	19/11/1993	1,50	,00	,50	CT
8	Phan Quốc	Vũ	3772051015	24/07/1995	,00	,00	,00	CT
9	Nguyễn Đình	Kim	3772051020	20/05/1994	5,80	6,40	6,20	
10	Nguyễn Minh	Thuận	3772051027	23/09/1995	2,30	,00	,70	CT
11	Nguyễn Ngọc	Trung	3772051032	12/04/1995	,90	,00	,30	CT
12	Lê Cát	Tường	3772051037	10/10/1995	2,10	,00	,60	CT
13	Lê Thành	Trung	3772051047	21/01/1994	2,30	,00	,70	CT
14	Đỗ Thành	Thy	3772051048	14/10/1995	2,80	,00	,80	CT
15	Nguyễn Hoàng	Huy	3772051053	21/10/1995	,00	,00	,00	CT
16	Huỳnh Nhật	Minh	3772051054	23/12/1994	,00	,00	,00	CT
17	Nguyễn Tiến	Nhật	3772051058	24/10/1995	,00	,00	,00	CT
18	Trần Huy	Hồng	3772051064	16/12/1995	1,80	,00	,50	CT
19	Đặng Nguyễn Quốc	Quang	3772051071	28/04/1995	1,50	,00	,50	CT
20	Lại Văn	Trí	3772051082	20/10/1995	,90	,00	,30	CT
21	Nguyễn Thành	Tâm	3772051084	10/02/1995	1,50	,00	,50	CT
22	Bùi Văn	Quỳnh	3772051088	10/02/1994	,00	,00	,00	CT
23	Bùi Nhật	Linh	3772051095	08/10/1995	3,20	6,40	5,40	
24	Nguyễn Văn	Nghiệp	3772051101	14/11/1995	4,20	7,70	6,70	
25	Phạm Trần Công	Phú	3772051103	19/07/1995	1,00	,00	,30	CT
26	Quách Thuận	Cảnh	3772051108	23/02/1995	,00	,00	,00	CT
27	Nguyễn Anh	Ninh	3772051118	09/04/1995	4,50	6,60	6,00	
28	Trần Văn	Trí	3772051119	23/05/1995	3,20	4,20	3,90	
29	Trần Đức	Nhật	3772051166	10/02/1995	2,40	,00	,70	CT
30	Lê Đình	Quyền	3772051170	15/02/1995	1,90	,00	,60	CT
31	Nguyễn Văn	Hùng	3772051192	20/08/1995	,00	,00	,00	CT
32	Võ Thành	Lợi	3772051197	04/09/1995	,00	,00	,00	CT
33	Phạm Quốc	Huy	3772051199	16/09/1994	4,90	6,90	6,30	
34	Trang Đoàn Đình	Thiện	3772051209	11/07/1995	1,30	,00	,40	CT
35	Phạm Văn	Thuận	3772051231	15/09/1995	,00	,00	,00	CT

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Tấn	Sơn	3772051278	26/06/1995	2,00	4,70	3,90	
37	Phạm Hữu	Tuân	3772051293	25/06/1995	,00	,00	,00	CT
38	Nguyễn Hùng	Anh	3772051306	23/02/1993	1,50	,00	,50	CT
39	Hoàng Đại Gia	Long	3772051312	13/08/1995	2,80	,00	,80	CT
40	Đoàn Thanh	Huy	3772051321	07/08/1995	2,60	,00	,80	CT
41	Lê Thanh	Nhạc	3772051340	28/10/1995	2,50	,00	,80	CT
42	Nguyễn Nam	Trung	3772051349	05/02/1995	1,80	,00	,50	CT
43	Huỳnh Huy	Hoàng	3772051350	27/04/1994	3,50	6,60	5,70	
44	Nguyễn Quốc	Dũng	3772051398	10/09/1995	4,30	5,70	5,30	
45	Trần Trí	Nghĩa	3772051409	20/01/1995	2,20	,00	,70	CT

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 04 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)